UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 640 /BC-UBND	*Hướng Hoá, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022 và dự toán thu, chi NSNN năm 2023

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

I. Đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 09/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thành phố, thị xã; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022,

Từ những tháng đầu năm, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, điều hành, quản lý ngân sách theo hướng chủ động, tích cực, tiết kiệm, hiệu quả với mục tiêu phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2022. Trong đó tập trung chi cho con người, các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ chi quốc phòng an ninh và nhiệm vụ thiết yếu của các đơn vị, địa phương.

Nhìn chung, các nhiệm vụ chi ngân sách những tháng đầu năm được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Cụ thể như sau:

- Quản lý chi chặt chẽ, triệt để, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán, tiết kiệm các khoản chi ngân sách; chủ động dành nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp bách, đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

- Chủ động sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện để giải quyết kịp thời các nhiệm vụ phát sinh đột xuất ngoài dự toán.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị dự toán để kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh ở cơ sở. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách mới phát sinh: kinh phí thực hiện Phương án 4492/PA-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về khôi phục, sử dụng phù hợp diện tích đất sản xuất bị bồi lấp và diện tích cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày bị ảnh hưởng do thiên tai năm 2020; chế độ phụ cấp nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y năm 2022 theo Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh…

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025 có chất lượng, hiệu quả theo tinh thần Kết luận số 176-KL/TU, ngày 06/12/2021 của Tỉnh ủy về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Trị.

- Tổng hợp nhu cầu, báo cáo UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và năm 2022 các Chương trình MTQG. Phân bổ nguồn vốn, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022.

- Phân bổ, đối ứng nguồn kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh kịp thời, đúng chế độ: kinh phí hỗ trợ thành viên Tổ giám sát Covid-19 tại cộng đồng theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện Phương án 4492/PA-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh; kinh phí triển khai thực hiện xây dựng mô hình cánh đồng lớn áp dụng IPM trên cây cà phê năm 2022; triển khai thực hiện xây dựng mô hình cánh đồng lớn áp dụng IPM trên cây cà phê năm 2022…

- Phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm: Kinh phí đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2022 - 2025, kinh phí bầu trưởng thôn, bản nhiệm kỳ 2022 - 2025, kinh phí đại hội Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh cấp xã, cấp huyện, kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp tỉnh, kinh phí xây dựng phòng họp trực tuyến cấp huyện, cấp xã…

- Thực hiện quyết toán các chế độ, chính sách an sinh xã hội, các nguồn kinh phí được UBND tỉnh hỗ trợ đảm bảo đúng thời gian và chế độ quy định.

- Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời như: Chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa; chính sách miễn thu thủy lợi phí, các chế độ chính sách cho học sinh, giáo viên; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; chính sách bảo trợ xã hội; kinh phí thực hiện dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP);…

- Phối hợp với Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021.

- Hoàn thành, trình HĐND huyện phê chuẩn quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2021.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, đúng quy định việc mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công.

II. Số liệu thu chi ngân sách đến ngày 30/11/2022:

1. Về thu ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước đến ngày 30/11/2022 là: 935.513.150.564 đồng (dự toán 730.223.000.000 đồng) đạt 128,11% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến 31/12/2022 là 1.047.581.000.000 đồng, đạt 143,46% so với kế hoạch huyện giao.

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 30/11/2022: 109.465.768.596 đồng, đạt 125,82% so với kế hoạch huyện giao (87.000.000.000 đồng) và 144,03% so với dự toán tỉnh giao (76.000.000.000 đồng); trong đó ngân sách huyện được hưởng sau khi trừ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh là 77.282.258.680 đồng/83.350.000.000 đồng, đạt 92,72% kế hoạch huyện giao, sau khi loại trừ tiền thu sử dụng đất (5.305.846.047 đồng) thì số thu đưa vào cân đối ngân sách huyện là 71.976.412.633 đồng, đạt 120,77% so với dự toán huyện giao (59.600.000.000 đồng) và 122,83% so với dự toán tỉnh giao (58.600.000.000 đồng).

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 675.877.268.000 đồng (dự toán 622.513.000.000 đồng), đạt 108,57% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến 31/12/2022, thu ngân sách trên địa bàn đưa vào cân đối đạt 77.000.000.000 đồng/DT 59.600.000.000 đồng, đạt 129,19% so với kế hoạch *(đối với tiền thu sử dụng đất ước thực hiện đến 31/12/2022 đạt 5.500.000.000 đồng, đạt 23,16% dự toán huyện giao).*

Cụ thể các khoản thu như sau:

- Thu thuế công thương nghiệp, ngoài quốc doanh (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt): 43.688.374.606 đồng/37.000.000.000 đồng, đạt 118,08% so với kế hoạch.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 25.353.411 đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 13.344.101.100 đồng/25.000.000.000 đồng, đạt 53,38% so với kế hoạch *(Trong đó: NS tỉnh hưởng: 8.038.255.053 đồng; NS huyện hưởng: 5.305.846.047 đồng).*

- Thu tiền thuê đất, mặt nước: 3.590.559.953 đồng/400.000.000 đồng, đạt 897,64% so với kế hoạch *(Trong đó: NS tỉnh hưởng: 2.449.816.598 đồng, NS huyện hưởng: 1.140.743.355 đồng).*

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 551.386.656 đồng *(Trong đó: NS tỉnh hưởng: 165.415.996 đồng, NS huyện hưởng: 385.970.660 đồng).*

- Lệ phí trước bạ: 20.777.643.985 đồng/13.000.000.000 đồng, đạt 159,83% so với kế hoạch *(Trong đó: NS huyện: 19.206.516.225 đồng; NS xã: 1.571.127.760 đồng).*

- Thu phí và lệ phí: 2.867.772.640 đồng/3.500.000.000 đồng, đạt 81,94% so với kế hoạch *(Trong đó: NS trung ương: 871.336.490 đồng; NS tỉnh: 369.295.000 đồng; NS huyện, xã: 1.627.141.150 đồng).*

- Thuế thu nhập cá nhân: 8.480.149.947 đồng/2.000.000.000 đồng, đạt 424,01% so với kế hoạch.

- Thu khác ngân sách: 13.508.892.956 đồng/5.090.000.000 đồng, đạt 265,40% so với kế hoạch. (*Trong đó: NS tỉnh hưởng: 70.000 đồng, NS huyện hưởng: 13.298.363.732 đồng, NS xã: 210.459.224 đồng*).

- Thu khác NS Trung ương: 2.631.533.342 đồng/1.000.000.000 đồng, đạt 263,15% so với kế hoạch.

1.2. Thu các khoản đóng góp: 338.000.000 đồng *(Nguồn hỗ trợ của các doanh nghiệp hỗ trợ Chương trình Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025).*

1.3. Thu chuyển giao ngân sách: 675.877.268.000 đồng, đạt 108,57% so với kế hoạch. *Trong đó:*

- Bổ sung cân đối từ NS tỉnh: 505.400.000.000 đồng
- Bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh: 170.477.268.000 đồng

1.4. Thu chuyển nguồn: 130.929.747.269 đồng *(Trong đó: NS huyện: 118.057.308.689 đồng, NS xã: 12.872.438.580 đồng).*

1.5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 18.902.366.699 đồng.

*** Tình hình thu ngân sách xã:**

Tổng thu ngân sách cấp xã đến ngày 30/11/2022 là 7.880.383.873 đồng/DT 4.000.000.000 đồng, đạt 197,01% so với kế hoạch. Một số xã có số thu lớn và đã vượt kế hoạch được giao như thị trấn Lao Bảo (256,08%), Hướng Phùng (327,56%), Tân Thành (388,54%), Tân Hợp (167,02%), Tân Long (223,12%), Tân Liên (197,54%), Tân Lập (335,02%), Thuận (745,94%), Hướng Tân (483,02%)…

2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 30/11/2022 là 637.595.103.081 đồng (dự toán 726.573.000.000 đồng), đạt 87,75% so với kế hoạch. Ước thực hiện đến 31/12/2022 là 735.910.000.000 đồng, đạt 101,29% so với kế hoạch. Cụ thể:

2.1. Chi đầu tư phát triển: 45.620.082.886 đồng, đạt 79,28% so với dự toán giao đầu năm *(Ngân sách huyện: 42.825.140.786 đồng, ngân sách xã: 2.794.942.100 đồng).*

2.2. Chi thường xuyên: 573.026.015.496 đồng, đạt 88,54% so với kế hoạch *(Ngân sách huyện: 460.031.173.576 đồng, ngân sách xã: 112.994.841.920 đồng)*

2.2.1. Chi Quốc phòng: 16.551.430.633 đồng, đạt 128,19% *(ngân sách huyện: 4.075.240.000 đồng, ngân sách xã: 12.476.190.633 đồng)*

2.2.2. Chi An ninh: 6.070.170.564 đồng, đạt 189,77% *(ngân sách huyện: 1.366.500.000 đồng, ngân sách xã 4.703.670.564 đồng)*

2.2.3. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề: 352.539.026.608 đồng, đạt 82,79% so với kế hoạch *(ngân sách huyện 352.147.979.008 đồng, ngân sách xã: 391.047.600 đồng).*

2.2.4. Chi sự nghiệp y tế: 1.240.642.850 đồng, đạt 2.481,29% so với kế hoạch *(NS huyện).*

2.2.5. Chi sự nghiệp Văn hóa và Thông tin, Phát thanh và Truyền hình, Thể dục Thể thao: 45.214.117.949 đồng, đạt 82,84% so kế hoạch *(Ngân sách huyện: 3.802.905.589 đồng, ngân sách xã: 1.377.462.360 đồng).*

2.2.6. Sự nghiệp Môi trường: 3.524.083.057 đồng, đạt 87,66% so với kế hoạch *(Ngân sách huyện: 3.295.147.647 đồng, NS xã: 228.935.410 đồng)*

2.2.7. Chi sự nghiệp kinh tế: 13.893.259.263 đồng, đạt 218,07% *(ngân sách huyện 10.098.588.168 đồng, ngân sách xã: 3.794.671.095 đồng).*

2.2.8. Chi quản lý hành chính: 121.915.985.566 đồng, đạt 94,20% so với kế hoạch *(ngân sách huyện 35.019.935.828 đồng, ngân sách xã: 86.896.049.738 đồng).*

2.2.9. Chi đảm bảo xã hội: 49.382.997.446 đồng, đạt 94,85% so với kế hoạch *(ngân sách huyện 46.289.932.926 đồng, ngân sách xã: 3.093.064.520 đồng).*

2.2.10. Chi khác ngân sách: 2.694.301.560 đồng *(Ngân sách huyện).*

2.3. Chi nộp ngân sách cấp trên: 18.949.004.699 đồng.

Trong đó:

- Ngân sách huyện: 18.032.366.699 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương năm 2020:

1.653.054.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở và KP cấp giấy chứng nhận QSD đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo theo NQ số 10/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017: 57.000.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh kiện toàn mạng lưới khuyến nông và thú y cơ sở: 203.597.590 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số theo QĐ 2085/QĐ-TTg: 26.400.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi chủ lực theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND: 275.321.125 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ hết nhiệm vụ chi: 1.044.650.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới hết nhiệm vụ chi: 289.128.016 đồng.

+ Kinh phí phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 hết nhiệm vụ chi:

13.430.195.000 đồng.

+ Kinh phí khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai năm 2020 hết nhiệm vụ chi: 424.273.947 đồng.

+ KP thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững các năm trước hết nhiệm vụ chi: 628.747.021 đồng.

- Ngân sách xã: 916.638.000 đồng

+ Khe Sanh: 46.638.000 đồng.

+ Hướng Lập: 870.000.000 đồng.

2.4. Chi tạm ứng: 1.704.926.086 đồng (NS xã).

*** Dự phòng ngân sách: 13.587.000.000 đồng** *(Ngân sách huyện: 11.212.000.000 đồng; ngân sách xã: 2.375.000.000 đồng, UBND huyện đã điều hành sử dụng nguồn dự phòng cho các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm, tập trung nguồn dự phòng cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và một số nhiệm vụ đột xuất phát sinh ngoài dự toán).*

III. Những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn

1. Những ưu điểm

Năm 2022, các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đã tích cực chủ động triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh và các

văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022. Trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 và hậu quả của thiên tai, mưa bão, kết quả đã đạt được trong năm qua là một kết quả đáng khích lệ.

1.1. Về thu Ngân sách: Thu ngân sách cơ bản đạt tiến độ được giao. Thu trên địa bàn đến thời điểm ngày 30/11/2022 đã đạt 125,82% so với kế hoạch huyện giao và 144,03% so với dự toán tỉnh giao. Thu ngoài quốc doanh tăng do nguồn thu thuế GTGT từ các công trình xây dựng cơ bản vãng lai của các dự án điện gió trên địa bàn huyện (NS huyện hưởng 30%), thu khác tăng đột biến do khoản thu từ nguồn thu bán đấu giá khai thác gỗ rừng trồng sản xuất năm 2021 từ rừng trồng Dự án 661 do Đoàn 337 Quân khu 4 bàn giao cho UBND huyện (9.902 triệu đồng).

1.2. Về chi ngân sách: Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán được giao, triển khai thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện. Các khoản chi đảm bảo đúng chế độ, và đúng Luật NSNN. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện để đảm bảo cho các nhiệm vụ chi phát sinh trong năm. UBND huyện cũng đã chỉ đạo ưu tiên bố trí các nguồn lực để đảm bảo yêu cầu các nhiệm vụ cấp bách, thực hiện cắt giảm chi thường xuyên, chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách, quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí triệt để, đảm bảo công tác điều hành ngân sách hiệu quả.

1.3. Về thực hiện các chính sách, đảm bảo an sinh xã hội: UBND huyện đã thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; các chế độ chính sách cho học sinh, giáo viên như: Nghị định 86/2015/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ hộ cận nghèo, học sinh, sinh viên mua thẻ bảo hiểm y tế; Nghị định số 116/2016/QĐ-TTg; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 về chính sách phát triển giáo dục mầm non…

2. Những hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình quản lý điều hành thu - chi năm 2022 gặp những khó khăn nhất định. Năm 2022 diễn ra trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm. Nguồn lực ngân sách huyện hạn chế trong khi phải đối ứng thực hiện nhiều chính sách mới ban hành của tỉnh, đối ứng nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia, các đề án của huyện… Vì vậy, việc cân đối nguồn lực đảm bảo cho

các nhiệm vụ của huyện, các chế độ, chính sách đặt ra yêu cầu khó khăn cho ngân sách cấp huyện.

Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch do chưa đấu giá được quyền sử dụng đất, ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của huyện.

Nguồn thu ngân sách trên địa bàn vượt dự toán đầu năm. Tuy nhiên, tính chất các nguồn thu không ổn định, do đó ngân sách huyện không chủ động được trong việc lập dự toán thu - chi hàng năm.

PHẦN THỨ HAI
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ hai trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của huyện, dự toán chi NSNN lập theo đúng các quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành, đảm bảo dự toán NSNN năm 2022 cơ bản đáp ứng nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của các cơ quan, đơn vị; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2023 để hoàn thành nhiệm vụ, các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Căn cứ quy định của Luật NSNN năm 2015; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

I. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

Trên cơ sở dự thảo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2023 đã thảo luận với Sở Tài chính, dự kiến số phân bổ kinh phí của Sở Tài chính, dự kiến định mức phân bổ do HĐND tỉnh quy định, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến dự toán chi NSNN năm 2023 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023: 719.572.000.000 đồng

Trong đó:

- Ngân sách TW, tỉnh hưởng: 4.650.000.000 đồng
- Ngân sách huyện hưởng: 714.922.000.000 đồng
+ Thu ngân sách trên địa bàn huyện hưởng: 96.350.000.000 đồng
+ Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 609.813.000.000 đồng
+ Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước: 500.000.000 đồng
+ Thu quản lý qua ngân sách: 8.259.000.000 đồng
1.1. Thu ngân sách trên địa bàn: 101.000.000.000 đồng
- Ngân sách TW, tỉnh hưởng: 4.650.000.000 đồng
- Ngân sách huyện hưởng: 96.350.000.000 đồng
Trong đó:
+ Các khoản thu do cơ quan thuế quản lý: 64.600.000.000 đồng
+ Thu tiền sử dụng đất: 23.750.000.000 đồng
+ Thu khác ngân sách: 8.000.000.000 đồng
1.2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 609.813.000.000 đồng
Trong đó:
- Thu bổ sung cân đối 587.920.000.000 đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu 21.893.000.000 đồng
1.3. Thu quản lý qua ngân sách: 8.259.000.000 đồng
2. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2022: 714.922.000.000 đồng
2.1. Chi trong cân đối ngân sách 694.770.000.000 đồng
2.1.1 Chi đầu tư phát triển: 47.178.000.000 đồng
- Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung: 12.928.000.000 đồng
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 23.750.000.000 đồng

(Đối với nguồn thu từ tiền sử dụng đất *(thực hiện theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*: Trích 5% bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh, 10% cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp GCN…, 85% do HĐND huyện quyết định trên cơ sở đề nghị của UBND huyện)

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 10.000.000.000 đồng
- Chi từ nguồn khác: 500.000.000 đồng

2.1.2. Chi thường xuyên: 634.117.000.000 đồng

Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định *(Ngoại trừ các khoản chi lương, phụ cấp cho con người, các chế độ chính sách)*.

Định mức phân bổ các sự nghiệp cấp xã đã bao gồm phần ngân sách huyện bổ sung để đảm bảo nhiệm vụ chi.

2.1.2.1. Chi quản lý hành chính: 128.556.530.000 đồng.

a. Cấp huyện: 35.990.678.000 đồng.

- Biên chế để tính quỹ lương: Theo danh sách lao động tiền lương của cơ quan đơn vị đã được phòng Nội vụ xác nhận trên cơ sở vị trí việc làm của đơn vị Quỹ lương tính theo tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.

- Chi khác: Mỗi biên chế được bố trí: 17,3 triệu đồng/người/năm, đối với các cơ quan, đơn vị có từ 3 biên chế trở xuống được bố trí 20,3 triệu đồng/người/năm.

Kinh phí chi khác bố trí cho các cơ quan, đơn vị đã tính trừ 10% CCTL.

b. Cấp xã: 92.565.852.000 đồng.

- Căn cứ vào chỉ tiêu, định mức quy định về số lượng cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách của các xã, thị trấn.

- Trong chi cho con người, tiền lương và các khoản phụ cấp đã tính theo định mức; chi cho cán bộ không chuyên trách, khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị xã hội ở xã, thị trấn và thôn, bản đã thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND của HĐND. Đã bao gồm bảo hiểm y tế Đại biểu HĐND không hưởng lương, bảo hiểm y tế 3% cho cán bộ không chuyên trách, BHXH 14% cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, thị trấn. Kinh phí thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP phân bổ cho các địa bàn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban Dân tộc.

- Định mức chi khác cấp xã: 10,4 triệu đồng/biên chế.

- Định mức chi khác đại biểu HĐND cấp xã: 10 triệu đồng/đại biểu *(Đã bao gồm kinh phí hỗ trợ các chức danh, đại biểu không hưởng lương, kinh phí trang phục đại biểu HĐND cấp xã, chi hoạt động theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND).*

2.1.2.2. Chi Sự nghiệp Giáo dục - ĐT và DN: 418.541.987.000 đồng.

a. Cấp huyện: 417.491.987.000 đồng.

- UBND huyện phân bổ và giao Dự toán trực tiếp cho các trường học thuộc huyện như năm 2022.

b. Cấp xã: 1.050.000.000 đồng.

- Bố trí kinh phí theo dự thảo định mức quy định tại Nghị quyết quy định định mức chi của HĐND tỉnh (50 triệu đồng/xã, thị trấn, trong đó đã bao gồm hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính, phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, công chức tham gia công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, thị trấn, kinh phí hỗ trợ hoạt động Hội khuyến học xã…).

2.1.2.3. Chi đảm bảo xã hội: **51.927.791.000 đồng.**

a. Cấp huyện: 49.923.000.000 đồng.

- Chi cho các đối tượng BTXH theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ đảm bảo theo chế độ quy định.

- Bố trí kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Cấp xã: 2.004.791.000 đồng.

- Bố trí trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ vệc.

- Kinh phí tặng quà mừng thọ cho các cụ cao tuổi theo Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Chi hoạt động cứu trợ xã hội: 20,8 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

2.1.2.4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình: **5.794.000.000 đồng.**

a. Cấp huyện: 3.564.900.000 đồng

Phân bổ cho Trung tâm Văn hoá thông tin - Thể dục thể thao huyện theo định mức.

b. Cấp xã: 2.229.100.000 đồng.

- Định mức phân bổ sự nghiệp văn hoá thông tin: 17,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm. Đã bố trí kinh phí thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"* theo Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND.

Định mức phân bổ sự nghiệp thể dục thể thao: 13,8 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

Định mức phân bổ sự nghiệp phát thanh truyền hình: 10 triệu đồng/xã, thị trấn.

2.1.2.5. Chi Quốc phòng - an ninh: **17.098.957.000 đồng**

a. Cấp huyện: 4.300.000.000 đồng.

b. Cấp xã: 12.798.957.000 đồng.

- Chi quốc phòng:

+ Phân bổ theo định mức 220 triệu đồng/xã, thị trấn.

+ Đối với các xã biên giới phân bổ thêm 169 triệu đồng/xã, thị trấn.

+ Kinh phí cho cho tiểu đội dân quân thường trực thị trấn Lao Bảo: 800 triệu đồng.

- Chi an ninh:

+ Phân bổ theo định mức 33 triệu đồng/xã, thị trấn.

+ Đối với các xã biên giới phân bổ thêm 85 triệu đồng/xã, thị trấn.

2.1.2.6. Sự nghiệp kinh tế: **8.127.735.000 đồng.**

a. Cấp huyện: 6.985.435.000 đồng.

Kinh phí mua vắc xin và công tiêm phòng bệnh trên đàn gia súc: 690 triệu đồng; KP xây dựng cánh đồng lớn áp dụng chương trình IPM trên cây cà phê: 141 triệu đồng; KP thực hiện NQ số 13/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND huyện: 742 triệu đồng; kinh phí sửa chữa tiền điện chiếu sáng: 1.000 triệu đồng, Ngân hàng chính sách xã hội huyện *(KP uỷ thác cho vay):* 1.000 triệu đồng. Phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế.

b. Cấp xã: 1.142.300.000 đồng.

Phân bổ theo định mức 36,3 triệu đồng/xã, thị trấn.

Đã phân bổ kinh phí hoạt động cho các Ban Quản lý chợ thuộc xã *(Chợ Tân Long, chợ Tân Phước, chợ Hướng Phùng).*

2.1.2.7. Sự nghiệp môi trường: **4.020.000.000 đồng.**

a. Cấp huyện: 3.600.000.000 đồng.

Chi cho quản lý Nhà nước về Môi trường: Phòng Tài nguyên Môi trường. Cấp bù kinh phí chi lương và các hoạt động chuyên môn cho Trung tâm Môi trường và Đô thị.

b. Cấp xã: 420.000.000 đồng.

Phân bổ theo định mức 20 triệu đồng/xã, thị trấn.

2.1.2.8. Sự nghiệp Dân số - Y tế: **50.000.000 đồng.**

Phân bổ cho Trung tâm Y tế huyện thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ người dân tộc thiểu số không sinh con thứ 3 theo Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

2.1.3. Chi dự phòng: **13.475.000.000 đồng.**

- Ngân sách huyện: 11.145.000.000 đồng.
- Ngân sách xã: 2.330.000.000 đồng.

2.2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: **11.893.000.000 đồng.**

- Ngân sách huyện: 6.490.000.000 đồng.
- Ngân sách xã: 5.403.000.000 đồng.

2.3. Chi từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp: **8.259.000.000 đồng.**

II. Phương hướng, nhiệm vụ, một số giải pháp

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Thực hiện chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp trong công tác điều hành ngân sách, thực hiện dự toán thu, chi năm 2023.

Bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ. Bảo đảm kinh phí phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và một số nhiệm vụ cấp thiết.

Tổng hợp quyết toán Ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND huyện phê chuẩn (giữa năm 2023).

Đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm ngày Chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng Hướng Hóa (09/7/1968 - 09/7/2023).

Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, nâng cao hiệu quả chi ngân sách và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu Ngân sách.

Tổ chức thực hiện công tác xây dựng dự toán trình HĐND huyện phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn, trường học thuộc huyện.

2. Một số giải pháp

Từ thực tế và những khó khăn trong quá trình điều hành ngân sách cũng như việc cân đối nguồn lực để phòng, chống dịch bệnh, khắc phục thiên tai, bão lụt và thực hiện các chế độ chính sách trên địa bàn, cần thực hiện tốt một số giải pháp như sau:

- Tăng cường công tác quản lý chi Ngân sách Nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; không ban hành các chính sách, chế độ mới làm tăng chi Ngân sách khi chưa có nguồn đảm bảo. Cụ thể:

+ Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sử dụng dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ, thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên. Kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết được sử dụng trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí từ đầu năm. Hạn chế tối đa việc đề xuất bổ sung kinh phí ngoài dự toán, việc bổ sung kinh phí ngoài kế hoạch phải được cân nhắc, chỉ bổ sung đối với các nhiệm vụ thực sự cấp thiết.

+ Quản lý chi chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, dàn trải, chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách.

+ Hạn chế sử dụng Ngân sách huyện để tạm ứng cho các cơ quan, đơn vị (trừ trường hợp đặc biệt: thiên tai, bão, lũ, dịch bệnh, nhiệm vụ cấp thiết về quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ quan trọng, cấp bách).

- Chủ động trong công tác tổng hợp nhu cầu báo cáo, đề nghị Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí, đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách chế độ mới, các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

- Điều hành Ngân sách chủ động tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng Ngân sách để xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, như: Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và thực hiện một số nhiệm vụ cấp thiết khác.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Hướng Hoá./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Chánh, PVP, CV;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thuộc huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Vân